

Sản xuất đậu tương ở Việt Nam

CHU VĂN TIỆP

I. TÌNH HÌNH TRỒNG ĐẬU TƯƠNG Ở VIỆT NAM

TỪ 1976 đến 1979, hàng năm nước ta gieo trồng từ 42 đến 46 000 ha đậu tương (miền bắc 24 - 26 000 ha, miền nam 18 - 20 000 ha, năng suất đạt 5 - 6 tạ/ha (miền Bắc 3 - 4 tạ/ha, miền nam 7 - 10 tạ/ha). Diện tích này trải trên 36 tỉnh thành trong đó chỉ có 17 tỉnh đạt diện tích 1 000 ha trở lên. Cao nhất là Đồng Nai (15 000 ha) rồi đến Hà Bắc (4 000 ha). Năm 1980 diện tích đạt trên 43 000 ha, năng suất trên 6,5 tạ/ha. Có tiến bộ bước đầu đó là do các địa phương bắt đầu chú ý sản xuất đậu tương, đặc biệt là ở đồng bằng sông Hồng tăng nhanh diện tích đậu tương đông, đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh diện tích đậu tương trên đất hai lúa cao sản, vùng trung du tăng diện tích đậu tương hè trên đất hai lúa...

Hiện nay ở tất cả các vùng, đều có những điển hình gieo trồng đậu tương khác nhau, có hướng tăng nhanh diện tích và năng suất, có thể coi đó là những mô hình của sản xuất lớn trong tương lai. Mùa vụ sản xuất đậu tương rất phong phú: ở miền bắc gồm vụ xuân (10-1 - 15-3), hè (20-5 - 20-6), thu (20-7 - 20-8), thu đông (20-9 - 15-10), ngoài ra còn đậu tương đông xuân xen dưới gối ngô (song năng suất bấp bênh), miền nam có vụ 1 (đầu mùa mưa), vụ 2 (giữa mùa mưa), đậu tương xuân hè (gieo tháng 2) và đậu tương đông xuân (gieo tháng 11 - 12). Ở nước ta, không có cây trồng nào phong phú về mùa vụ như đậu tương.

II. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

Trước đây đậu tương ở nước ta không thể phát triển lớn được là do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân chưa có tiến bộ kỹ thuật cần thiết để đưa đậu tương vào tăng vụ trên đất 2 lúa và 1 lúa mùa nổi... Đậu tương chỉ được trồng trên đất

bãi ven sông, suối; đất chuyên trồng màu, đất nương đồi. Những loại đất đó chiếm diện tích không nhiều mà các vùng đó lại thiếu lương thực, nhân dân phải lo sản xuất các loại màu cho nhu cầu lương thực của mình. Nhà nước không có lượng thực để trao đổi 2 chiều. Ngày nay có tiến bộ kỹ thuật về giống lúa chín sớm năng suất khá; có giống đỗ tương ngắn ngày năng suất cao; đặc biệt nông dân các vùng trồng lúa đã thành công trong việc trồng đậu tương trên đất ướt (sau khi thu hoạch lúa) nên đã thay đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa bằng việc tăng thêm 1 vụ đậu tương. Ví dụ: ở trung du đã bố trí 1 vụ đậu tương hè vào giữa 2 vụ lúa («lúa xuân - đậu tương hè - lúa mùa muộn»); ở đồng bằng sông Hồng tăng 1 vụ đậu tương thu đông sau hai vụ lúa («lúa xuân - lúa mùa sớm - đậu tương»); ở đồng bằng sông Cửu Long: «lúa đông xuân - đậu tương xuân hè - lúa mùa» (trên đất 2 vụ lúa cao sản) và «lúa mùa nổi - đậu tương xuân hè» (trên đất lúa nổi). Các công thức luân canh mới đó đã mở đường cho việc đề ra kế hoạch sản xuất lớn đậu tương ở các đồng bằng trong cả nước, nơi mà trước đây 2 - 3 năm khó hình dung nổi chỗ đứng của cây đậu tương. Cục diện sản xuất đậu tương ở nước ta đang thay đổi rất căn bản. Tuy diện tích đã đạt còn ít, nhưng tương lai của cây đậu tương ở nước ta rất sáng sủa. Vấn đề sản xuất đậu tương nhiều, nhanh đang là thời sự nóng hổi và sản xuất đậu tương đang có sự bùng nổ đáng mừng.

Do đậu tương đem lại nhiều lợi ích nên khi đã nhận thức được đầy đủ giá trị của nó, mọi nơi đều quan tâm phát triển. Đậu tương là một trong số hiếm cây trồng có chu kỳ sinh trưởng rất ngắn (75 - 90 ngày) nên có thể luân canh tăng vụ, xen gối với rất nhiều loại cây trồng và thích hợp với điều kiện thiên nhiên (khí hậu, đất đai) trên phạm vi cả nước; Bộ nông nghiệp đang có chủ trương đưa đậu tương lên vị trí sản xuất lớn trên phạm vi cả nước, có vị trí

sau cây lúa, trở thành loại cây chiến lược trong nông nghiệp nước ta. Kế hoạch 5 năm trước mắt, theo chúng tôi nên sản xuất ít nhất 25 vạn ha để tạo cơ sở đạt 1,0 - 1,5 triệu ha trong 1 - 2 kế hoạch sau.

III. QUY HOẠCH VÙNG TRỒNG

Nước ta hiện nay có 2 dạng sản xuất đậu tương. Dạng thứ nhất là trồng trên đất chuyên canh (như Đồng Nai, Cao Bằng, Lạng Sơn) loại này hiện nay đóng vai trò chủ yếu trong sản xuất. Dạng thứ hai là luân canh tăng vụ, xen, gối. Tương lai lớn cho đậu tương ở Việt Nam được quyết định bởi dạng sản xuất thứ 2 này. Có thể bố trí trồng mỗi năm trên 1 triệu ha đậu tương trong cả nước mà không đòi hỏi giảm diện tích lương thực và các cây trồng khác hiện có. Do tính chất như vậy, nên đất lúa, đất phổ biến nhất, cũng là loại đất sẽ trồng được nhiều đậu tương nhất. Áp dụng công thức này có nghĩa là vì thâm canh lúa mà trồng đậu tương, trồng đậu tương lại có một sản phẩm quý giàu đạm và chất béo cho người và chăn nuôi... Đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, đồng bằng khu IV và đồng bằng Duyên Hải miền trung sẽ là những vùng đậu tương lớn. Đó là tình hình hoàn toàn mới và hiện nay sản xuất ở một số nơi đang trong quá trình chuyển biến theo chiều hướng này.

IV. CÁC BIỆN PHÁP KHOA HỌC, KỸ THUẬT CẦN THIẾT

Trong hệ thống các biện pháp thâm canh tăng năng suất đậu tương, nổi bật lên một số biện pháp cần đặc biệt chú ý, bắt buộc cho mọi vùng sản xuất.

a) Về thời vụ:

Đậu tương rất chặt chẽ, trồng sai sẽ bị các đợt thời tiết xấu hoặc sâu bệnh tác hại, làm giảm năng suất rõ rệt. Mỗi địa phương, phải tìm ra thời vụ tốt nhất cho từng giống, từng trà vụ gieo trồng trong từng vụ sản xuất.

b) Về sâu, bệnh:

Nhiều người lo ngại trồng nhiều đậu tương ở nước ta sẽ xuất hiện mất mùa, do sâu bệnh có môi trường phát triển.

Đúng là đậu tương có rất nhiều loại sâu hại từ lúc mọc cho đến lúc thu hoạch, gồm các loại sâu hại các bộ phận rễ, thân, lá, hoa, quả. Nhưng, cần khẳng định rõ: hầu hết các loại sâu hại đậu tương là dễ trừ và đã có thuốc

đặc hiệu để trừ, nhất là khi phát hiện ở dạng ấu trùng và sâu tuổi non.

Nếu trồng sai thời vụ, không có một cách chủ động về thuốc, bình bơm và tổ chức phòng trừ thì sẽ dễ gây mất mùa cục bộ. Chi phí cho công tác này không lớn nhưng rất cần thiết và chặt chẽ.

Về bệnh, rất khó trừ, chưa có thuốc đặc hiệu để trừ, đặc biệt đối với bệnh rỉ sắt. Nhưng ta có thể hạn chế tác hại, hoặc làm cho không xuất hiện bệnh, bằng biện pháp canh tác bố trí đúng thời vụ.

c) Về giống:

Phải dùng giống phù hợp với từng vùng, vụ sản xuất. Việc phát triển nhanh sản xuất đậu tương ở nước ta phải đi đôi với tổ chức tốt việc nhân giống tốt.

d) Về trồng, chăm sóc:

Mọi cách gieo trồng đều phải đạt yêu cầu: mọc đều, nhanh, đủ mật độ. Tùy hoàn cảnh cụ thể mà sử dụng một trong các cách gieo trồng, gieo thẳng hạt trên đất khô có độ ẩm 65 - 75% (phương pháp cổ truyền), tra thẳng hạt trên đất ướt (do bị mưa to liên tục, hoặc thời vụ đến mà đất vẫn lầy ướt). Phương pháp này có hai cách: làm dõ đất (trên đất cát pha, đất thịt nhẹ, hoặc đất thịt trung bình) và không làm đất (trên đất phù sa tốt ở ven sông miền Nam). Nếu đất bị khô rang thì cứ gieo bằng phương pháp khô rồi tưới nước theo rãnh. Vì thời vụ đậu tương khản trương nên muốn gieo hết diện tích trong bất kể hoàn cảnh thời tiết nào thì phải liệch hoạt động phổ biến với mọi tình huống. Các biện pháp trên có thể giúp người sản xuất thực hiện công việc một cách tốt đẹp.

Từ khi đậu tương mọc đến lúc thu hoạch, cần chú ý một số khâu chăm sóc quan trọng:

— Lúc cây mọc (hoặc sau khi gieo) cần rắc thuốc phòng trừ ruồi đục thân. Trong suốt quá trình ra lá, hề thấy các loại sâu hại là phun trừ cho kịp thời.

— Lúc đậu 4 - 6 lá và rộ hoa, quả vào trái, nếu thiếu nước phải tưới, tát, bơm... chống hạn. Lúc quả vào trái cần nhiều nước hơn cả, nếu không đáp ứng kịp thời thì năng suất giảm rõ rệt, có thể giảm tới 50% hoặc hơn. Ngược lại, nếu có nước đọng trên ruộng đậu, do mưa hoặc do tưới, bơm quá liều lượng cần thiết, cũng phải tháo ngay cho đất thoáng khí để đậu phát triển tốt.

— Việc bón thúc phân đạm; việc xới, làm cỏ cũng như các công tác thâm canh khác đều cần phải chú ý theo đúng các cách thức mà các chuyên gia đề ra.

c) Chế biến và sử dụng:

Hiện nay ta đã sử dụng đậu tương để sản xuất sữa đậu nành, đậu phụ, tào phớ, đậu phụ nhợ, bột dinh dưỡng trẻ em, ép dầu, nghiền làm thức ăn gia súc, làm bánh ngọt, các loại nước chấm: tương, xì dầu; làm giá, hạt nính như, làm chả đậu... Song các cách chế biến đó còn nghèo nàn. Trên thế giới đã có trên 1000 cách chế biến đậu tương, trong đó riêng sản phẩm để ăn tới trên 300 loại khác nhau. Ngoài việc có thể mở rộng những hình thức sử dụng sản phẩm đậu tương như hiện nay, trong tương lai cần nghiên cứu sử dụng theo các hướng sau đây:

— Dùng thân lá thu hoạch lúc rộ hoa để triết suất prôtêin làm thức ăn cho gia súc, gia cầm (làm như vậy sẽ thu được sản lượng Prôtêin lớn hơn mà thời gian sản xuất lại rút ngắn 1/3 so với chờ thu hoạch hạt).

— Chế loại sữa đậu nành không có hương vị đặc trưng của đậu tương, biến thành loại sản phẩm có giá trị và ưa dùng ngang sữa bò tươi.

— Triết suất Prôtêin trong hạt để phát triển ngành công nghiệp sản xuất «tốt nhân tạo» thay thế một phần thịt gia súc gia cầm.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để phát triển nhanh, mạnh sản xuất đậu tương ở Việt Nam, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề lớn nhất:

1. Đảng và Nhà nước sớm có nghị quyết riêng về cây đậu tương, coi đậu tương là cây trồng chính trong nông nghiệp, có vị trí quan trọng sau cây lúa, phát triển lớn trên địa bàn huyện trong khắp nước ta. Coi phát triển đậu tương là việc làm cách mạng về cơ cấu cây trồng hiện có ở nước ta, vì toàn bộ cơ cấu cây trồng hiện nay có thể coi là chưa hợp lý: nặng về khai thác, nhẹ về bảo vệ bồi dưỡng đất; nặng về sản lượng đơn thuần, nhẹ về cơ cấu sản phẩm hợp lý giữa bột, xenlulô và đạm thực vật.

2. Nhà nước cho thành lập một Viện nghiên cứu đậu tương nhằm nghiên cứu sản xuất đậu tương (đất, phân, giống, quy hoạch, và kế hoạch v.v..) và các chế độ chính sách khuyến khích việc phát triển cây đậu tương.

3. Trong vòng 3 năm (1981 — 1983) Nhà nước tạo điều kiện nhập của nước ngoài nhiều giống đậu tương để làm vốn cho công tác giống ở nước ta từ nay về sau.

— Đặc biệt, muốn mở nhanh diện tích, phải cấp bách tổ chức hệ thống nhân giống 3 cấp, để kịp thời đáp ứng giống cho sản xuất theo yêu cầu: đủ số lượng và chất lượng. Nếu không, chắc chắn không mở nhanh diện tích được. Việc này rất cấp bách, đang là khâu yếu mà ta có thể giải quyết được.

HỘI NGHỊ THU HỒI VÀ HỒI PHỤC PHỤ TÙNG

(Tiếp theo trang 32)

Lâm Thứ trưởng Bộ nông nghiệp đã nêu rõ: việc thu hồi đối với ta đặc biệt quan trọng vì nền công nghiệp chế tạo còn yếu, nguyên vật liệu và máy móc phần lớn còn phải nhập từ nước ngoài... Theo tài liệu của các nước hầu hết các chi tiết trên máy kéo đều có thể hồi phục dùng lại, có cái chiếm tỷ lệ 70 — 80% với chất lượng đảm bảo và giá thành hạ hơn chế tạo mới.

Hội nghị đã nhất trí kiến nghị với cấp trên và các cơ quan chức năng Nhà nước giải quyết: chính sách về giá cả phụ tùng thay thế, cung ứng vật tư kỹ thuật và trang thiết bị để hồi phục phụ tùng hợp tác KHKT với nước ngoài để đẩy mạnh công tác hồi phục phụ tùng. Những năm qua toàn ngành hàng năm hồi phục được gần 100 tấn phụ tùng bao gồm 50 chủng loại chính như

các chi tiết có độ chính xác cao và quan trọng: cặp bi, đôi cao áp, bơm thủy lực, máy đề máy phát, nắp quy lát, một số loại bánh răng, cơ cấu vi sai, xích máy kéo và chi tiết thông thường: các loại trục bơm, các loại bánh tròn v.v.

Với những kinh nghiệm bước đầu đó, sau hội nghị này nếu Tổng cục quyết tâm chấn chỉnh hệ thống tổ chức của mình, phân công phân cấp kỹ thuật hợp lý, đẩy mạnh hợp tác trong ngành và ngoài ngành, đồng thời nếu được Nhà nước hỗ trợ thích đáng cho những mặt cần thiết ngành cơ giới hóa nông nghiệp sẽ có đủ điều kiện để đẩy mạnh công tác thu hồi và hồi phục phụ tùng.

Tào Văn Chiêu

(Ủy ban KH và KTNN)